

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày	29,300 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.8%	12.1%	13.4%

	2023	
DT thuần	683	YoY ▲ 2.00 ▲ 0.3%
	tỷ VNĐ	

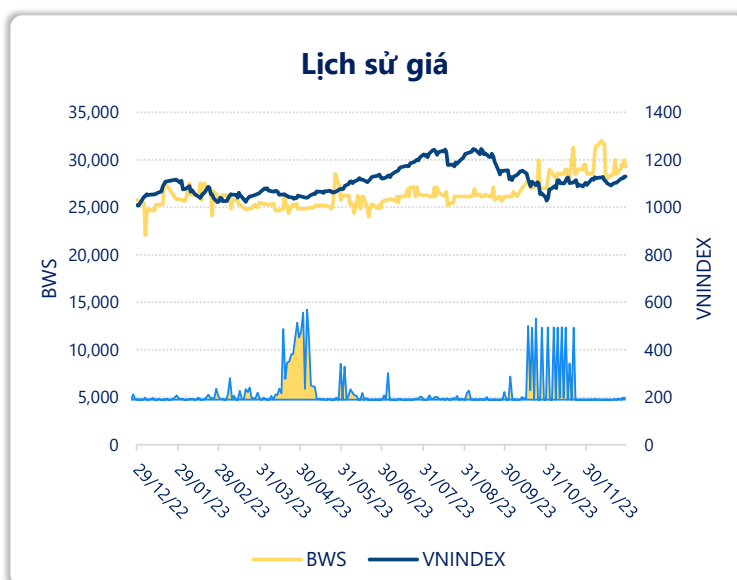
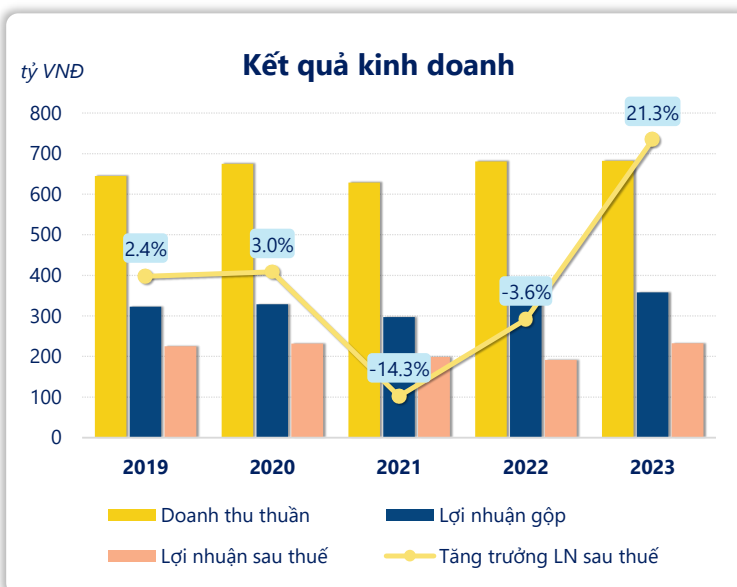
	2023	
LN gộp	358	YoY ▼ 12.0 ▼ 3.4%
	tỷ VNĐ	

	2023	
LN thuần	256	YoY ▲ 57.0 ▲ 28.6%
	tỷ VNĐ	

	2023	
LN sau thuế	232	YoY ▲ 40.0 ▲ 21.3%
	tỷ VNĐ	

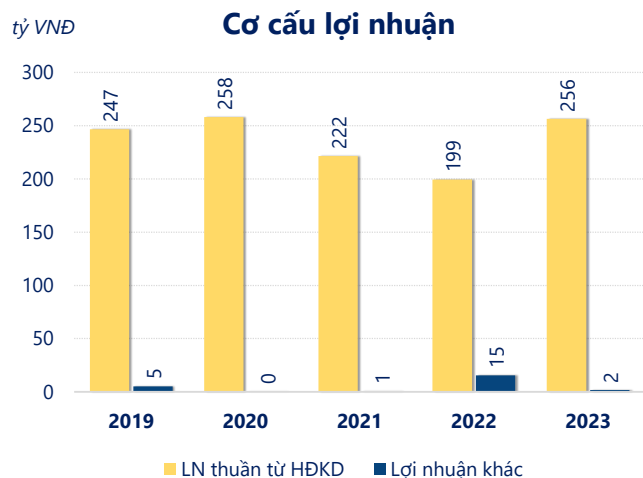
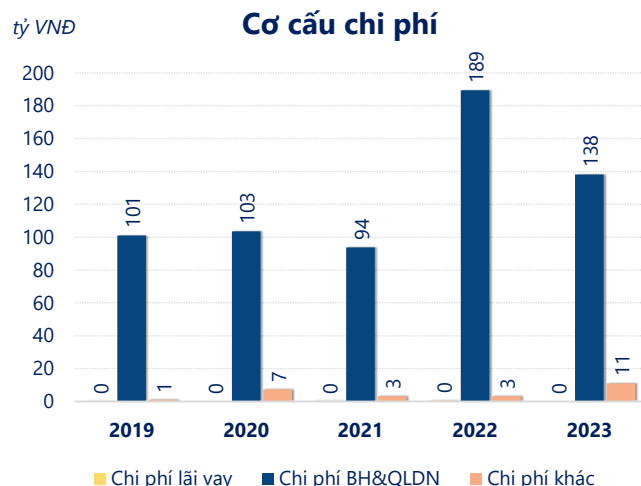
	2023	
ROE	22.2%	+/- YoY ▲ 3.1%

	2023	
ROA	20.8%	+/- YoY ▲ 4.0%



Năm **2023**, **BWS** ghi nhận doanh thu thuần **682.5** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **232.5** tỷ đồng, lần lượt **tăng 0.29%** và **tăng 21.3%** so với năm trước.

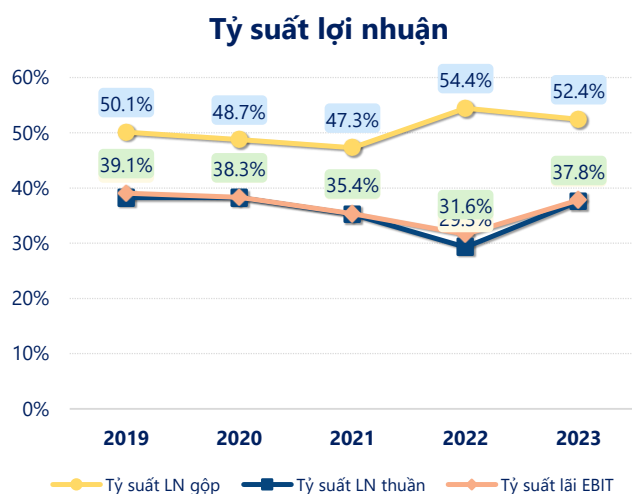
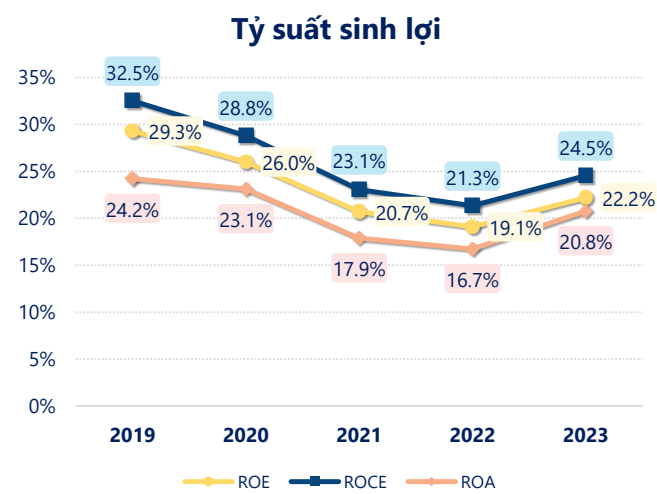
Hoạt động kinh doanh của công ty có sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, cùng với **ROE** khá tốt là **22.2%** cho thấy công ty đang phát triển và có hiệu quả hoạt động ổn định.



Năm **2023**, BWS có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **256.3** tỷ đồng, **tăng lên 56.99** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (236.4 tỷ đồng) là 19.92 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **0.00** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **giảm xuống** còn **138.2** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **10.93** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của BWS năm 2023 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **22.2%**, tuy nhiên vẫn **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.



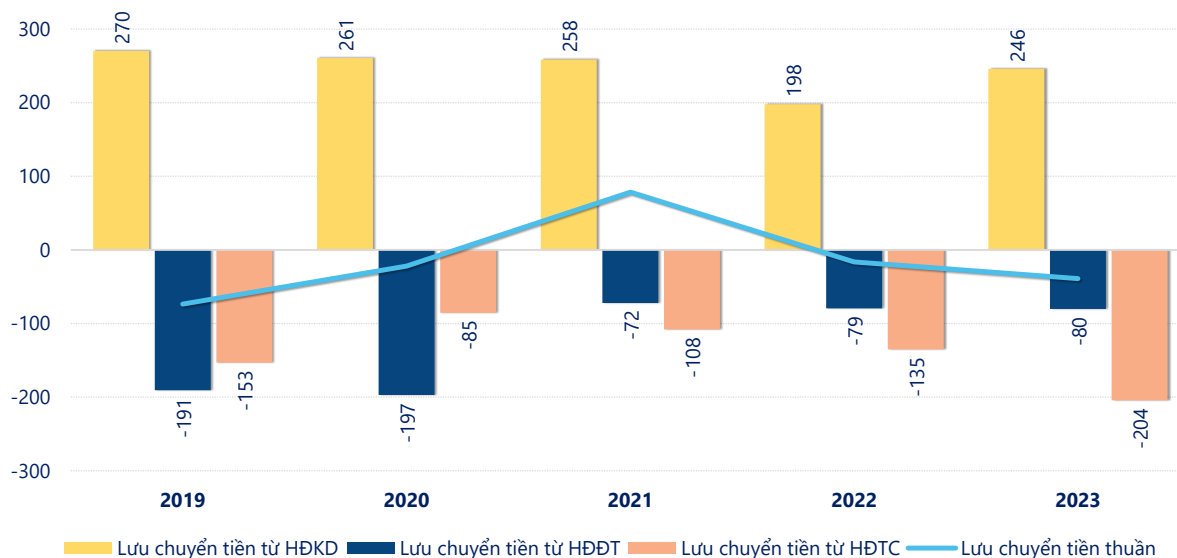
KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	645	675	629	681	683
Giá vốn hàng bán	322	346	332	310	325
Lợi nhuận gộp	323	329	297	370	358
Doanh thu HĐTC	24.7	33.0	18.2	18.7	36.7
Chi phí TC	0.08	0.27	0.23	0.50	0
Chi phí lãi vay	0.08	0	0.23	0.50	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	56.8	61.5	55.0	118	62.7
Chi phí QLDN	44.3	42.0	38.8	71.3	75.4
LN thuần từ HĐKD	247	258	222	199	256
Lợi nhuận khác	5.08	0.18	0.61	15.4	1.73
LN trước thuế	252	258	222	215	258
Lợi nhuận sau thuế	225	232	199	192	232
LNST của CĐ cty mẹ	225	232	199	192	232

tỷ VNĐ

Lưu chuyển tiền



Lưu chuyển tiền thuần năm 2023 của BWS bằng **-38.86** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2022 (-16.40 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **245.9** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-80.30** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-204.4** tỷ đồng.